

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ NINH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2024/HNGĐ-ST

Ngày 05 - 9 - 2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ NINH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thanh Liêm

Bà Nguyễn Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Cúc - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Ninh, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 78/2024/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thu T; sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Trường L., xã Tam Th., huyện N, tỉnh Q. Có mặt.

Bị đơn: Anh Đoàn Th, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Trường L., xã Tam Th., huyện N, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T trình bày: Chị T với anh Đoàn Th tự nguyện tìm hiểu và xây dựng gia đình, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện Th, tỉnh Q vào năm 2013. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do chồng ham chơi không lo làm ăn, Anh Th có quan hệ ngoại tình, mặc dù chị đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng Anh Th vẫn không thay đổi. Chị T thấy tình cảm vợ

chồng không còn, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho Chị T được ly hôn với Anh Th.

Về nuôi con chung: Vợ chồng Chị T có 02 con chung, là Đoàn Nguyễn Gia B., sinh ngày 18-12-2013 và Đoàn Nguyễn Hải A, sinh ngày 18-02-2016. Khi ly hôn Chị T có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B và cháu A đến tuổi thành niên và không yêu cầu chồng cấp dưỡng nuôi con chung.

Về chia tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Đoàn Th nhưng Anh Th không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh Th không thực hiện quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân huyện Phú Ninh phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là không đúng theo quy định pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thu T.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Đoàn Nguyễn Gia B, sinh ngày 18-12-2013 và Đoàn Nguyễn Hải A, sinh ngày 18-02-2016 cho chị Nguyễn Thị Thu T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu Anh Th cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Thu T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Đoàn Th có nơi cư trú tại thôn Trường L , xã Tam Th , huyện N, tỉnh Q nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Q theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng

dân sự. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, nhưng bị đơn Đoàn Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị T và Anh Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Quế, huyện Thăng Bình, tỉnh Quảng Nam là hôn nhân hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng phát sinh nhiều bất đồng và mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, Anh Th ăn chơi, không lo làm ăn và có quan hệ ngoại tình. Chị T đã nhiều lần bỏ qua nhưng Anh Th vẫn không thay đổi. Trong quá trình giải quyết vụ án, Anh Th không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến, không tham gia phiên tòa nên không có thiện chí hàn gắn quan hệ vợ chồng. Hiện nay, hai vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn; hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu T cho Chị T được ly hôn với anh Đoàn Th.

- *Về con chung*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị T trình bày Chị và Anh Th có hai con chung là Đoàn Nguyễn Gia B, sinh ngày 18-12-2013 và Đoàn Nguyễn Hải A, sinh ngày 18-02-2016. Chị T có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Bảo và cháu Băng đến tuổi thành niên. Chị T không yêu cầu Anh Th cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy; Cha, mẹ đều có quyền và nghĩa vụ nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của Luật hôn nhân gia đình. Anh Th không tham gia tố tụng, không trình bày ý kiến về con chung. Hiện nay, cháu Bảo và cháu Băng đang ở với Chị T và được Chị T chăm sóc và phát triển bình thường, cháu Bảo và cháu Băng cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Chị T có việc làm ổn định, đảm bảo lo cuộc sống cho hai cháu. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Bảo và cháu Băng cho Chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp theo quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu Anh Th cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung*: Đương sự khai không có nợ chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu T.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Thu T được ly hôn với anh Đoàn Th.

- *Về con chung*: Giao cháu Đoàn Nguyễn Gia B, sinh ngày 18-12-2013 và Đoàn Nguyễn Hải A, sinh ngày 18-02-2016 cho chị Nguyễn Thị Thu T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi).

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Chị Nguyễn Thị Thu T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cản họ thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Khi cần thiết, các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về nợ chung*: Không có và đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thị Thu T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017918 ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Ninh. Chị Nguyễn Thị Thu T đã nộp xong án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- VKSND huyện Phú Ninh;
- Chi cục THADS huyện Phú Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Long

